

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: **10/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 26/3/2021

V/v: “*L hôn, nuôi con chung*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Trang

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hưng Quang

2. Bà Trần Thị Hà

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Hữu Có - Kiểm sát viên.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đắc Quốc Tuấn - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 279/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc: “*L hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1986

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm 09, thôn P, xã H, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

2/ Bị đơn: Ông **Nguyễn L**, sinh năm 1981

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm 09, thôn P, xã H, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Nguyễn L tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2010, mãi đến năm 2013 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn, số: 92/2013, quyển số 01/2013, ngày 23/9/2013. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp; thời gian gần đây vào đầu năm 2019 bà phát hiện ông L không chung thủy.

Việc bà làm đơn L hôn với ông Nguyễn L thì ông L có biết, ông L có đến Tòa án một lần làm việc nhưng sau đó ông lại bỏ về.

Nay bà xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong giải quyết cho bà được L hôn với ông Nguyễn L.

Về con chung: bà và ông L có 02 con chung là Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 02/4/2010 và Nguyễn Quốc Y, sinh ngày 08/10/2016; hiện nay cháu Th, cháu Y đang được bà chăm sóc, nuôi dưỡng nên bà xin được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con cho đến khi trưởng thành và bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn L:

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm 09, thôn P, xã H, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông L vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện L hôn, tại phiên tòa hôm nay ông Báu tiếp tục vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được L hôn của bà Nguyễn Thị D đối với ông Nguyễn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn L, sinh năm 1981 có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm 09, thôn P, xã H, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận và yêu cầu khởi kiện xin L hôn của bà Nguyễn Thị D thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn L nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông L vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, HĐXX nhận thấy: quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn L được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số: 92/2013, quyển số 01/2013, ngày 23/9/2013 nên là hôn nhân hợp pháp, bà D có đơn xin L hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, lời trình bày của bà Nguyễn Thị D cho thấy đời sống chung của bà D, ông L không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp; ông L không chung thủy, điều đó chứng tỏ ông L đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, vi phạm về nghĩa vụ sống chung của vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa hai đương sự đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung: bà và ông L có 02 con chung là Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 02/4/2010 và Nguyễn Quốc Y, sinh ngày 08/10/2016; hiện nay cháu Th, cháu Y đang ở với bà, bà yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy các cháu Th, cháu Y ở với bà D từ khi vợ chồng bà không còn sống chung cho đến nay, bà D đã nuôi dưỡng và giáo dục các con đảm bảo các điều kiện phát triển, hơn nữa nguyện vọng của cháu Th xin được tiếp tục sống cùng mẹ nên giao cháu Th, cháu Y cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con cho đến khi trưởng thành là phù hợp; bà D không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản và nợ chung: bà Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét .

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định về việc giải quyết L hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

- Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị D được L hôn ông Nguyễn L.

- Về con chung: Giao các con Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 02/4/2010 và Nguyễn Quốc Y, sinh ngày 08/10/2016 cho bà Nguyễn Thị D tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Bà D không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Bà D không được ngăn cản ông L việc chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản và nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí L hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, bà D đã nộp tại biên lai thu số: 0007075, ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo của bà Nguyễn Thị D là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/3/2021), ông Nguyễn L là 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh - Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Thị Thu Trang